

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;

BỘ O HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

1351

/QĐ-BHXH

Hà Nội, ngày

16

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC BAN HÀNH MÃ SỐ GHI TRÊN THẺ BỘ O HIỂM Y TẾ

TỜNG GIÁM ĐỐC BỘ O HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Bảo hiểm y tế số 46/2014/QH13 ngày 13 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định

chi tiết và hướng dẫn mua sắm thuốc của Luật Bảo hiểm y tế;

Căn cứ Nghị định số 70/2015/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn mua sắm thuốc của Luật Bảo hiểm y tế đối với quân đội nhân dân, công an nhân dân và người làm công tác cứu hộ;

Căn cứ Nghị định số 05/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về mua sắm thuốc, chính sách đối với dân công huy động tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 41/2014/TTLT-BYT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2014 của liên Bộ Y tế - Tài chính hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế;

Xét đề nghị của Trưởng Ban S - TH,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mục đích ban hành bộ mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế

Bộ mã số ghi trên thẻ bảo hiểm y tế (BHYT) nhằm mục đích phân loại, thống kê đối tượng tham gia BHYT; đồng thời xác định quy định của người tham gia BHYT khi khám bệnh, chữa bệnh BHYT phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay và từng bước đáp ứng yêu cầu quản lý bệnh công nghệ thông tin.

Điều 2. Cấu trúc mã thẻ BHYT

Mã th BHYT gồm 15 ký tự, được chia thành 04 ô.

XX

X

XX

XXXXXXXXXX

1. Hai ký tự đầu (ô th nhất): được ký hiệu bằng chữ (theo bảng chữ cái latin), là mã để phân loại người tham gia BHYT. Trường hợp một người thuộc nhiều đơn vị tham gia BHYT khác nhau thì mã để phân loại ghi trên th BHYT là mã để phân loại đóng BHYT được xác định ưu tiên theo quy định tại Khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung Luật BHYT.

a) Nhóm do người lao động và người sử dụng lao động đóng:

- DN: Người lao động làm việc trong các doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư.

- HX: Người lao động làm việc trong các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập và hoạt động theo Luật Hợp tác xã.

- CH: Người lao động làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp, lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ

chức xã hội - nghề nghiệp và tổ chức xã hội khác.

- NN: Người lao động làm việc trong các cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên tham gia có quy định khác.

- TK: Người lao động làm việc trong các tổ chức khác có số đông lao động được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

- HC: Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật và cán bộ, công chức, viên chức.

- XK: Người hoạt động không chuyên trách xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và cán bộ, công chức;

b) Nhóm do tổ chức bảo hiểm xã hội đóng

- HT: Người hoạt động lương hưu, trả cấp hưu trí lao động hàng tháng;

- TB: Người đang hoạt động trả cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng do bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;

- NO: Người lao động nghề việc đang hoạt động chờ ốm đau theo quy định của pháp luật và bảo hiểm xã hội do mất bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế;

- CT: Người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hoạt động trả cấp tuất hàng tháng;

- XB: Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng;

- TN: Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp;

- CS: Công nhân cao su nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số 206/CP ngày 30/5/1979 của Hội đồng Chính phủ (nay là Chính phủ) về chính sách đối với công nhân miền giồng phóng làm nghề nông nghiệp, có hộ khẩu cư ngụ nay già yếu phải thôi việc;

c) Nhóm do ngân sách Nhà nước đóng

- QN: Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam đang thôi ngũ; người làm công tác chuyên nghiệp hoặc nghiệp vụ đối với quân nhân đang công tác tại Ban Chấp hành Chính phủ; học viên chuyên nghiệp sinh hoạt phí từ ngân sách Nhà nước theo chế độ, chính sách như đối với học viên Quân đội;

- CA: Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ và sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang công tác trong lực lượng công an nhân dân, học viên công an nhân dân hưởng sinh hoạt phí từ ngân sách Nhà nước;

- CY: Người làm công tác chuyên nghiệp hoặc nghiệp vụ đối với quân nhân đang công tác tại các tổ chức chuyên thu các B, ngành, địa phương;

- XN: Cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân sách Nhà nước;

- MS: Người đã thôi hưởng trợ cấp mất sức lao động đang hưởng trợ cấp hàng tháng từ ngân

sách Nhà nước;

- CC: Người có công với cách mạng, bao gồm: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng 8/1945; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; thương binh, người hưởng chính sách như thương binh, thương binh loại B, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;

- CK: Người có công với cách mạng theo quy định pháp luật và người có công với cách mạng, trừ các đối tượng được cấp mã CC;

- CB: Cựu chiến binh theo quy định pháp luật và cựu chiến binh;

- KC: Người trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mĩ cứu nước; người tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975; thanh niên xung phong thời kỳ kháng chiến chống Pháp và thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến; dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế theo quy định tại các Quy định của Thủ tướng Chính phủ, trừ các đối tượng được cấp mã CC, CK và CB;

- HD: Đội biểu dương lực lượng, đội biểu dương nhân dân các cấp đồng nghĩa;

- TE: Trẻ em dưới 6 tuổi, kể cả trẻ dưới 72 tháng tuổi mà trong năm đó chưa nhập học;

- BT: Người thu nhập định hàng tháng trừ cấp báo xã hàng tháng theo quy định của pháp luật;

- HN: Người thu nhập gia đình nghèo;

- DT: Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, được

biết khó khăn;

- DK: Người đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- XD: Người đang sinh sống tại xã đói, huyện đói;

- TS: Thân nhân của người có công với cách mạng là cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con của liệt sĩ; người có công nuôi dưỡng liệt sĩ;

- TC: Thân nhân của người có công với cách mạng, bao gồm: cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng, con từ trên 6 tuổi đến dưới 18 tuổi hoặc từ 18 tuổi trở lên nếu còn tiếp tục đi học hoặc bị khuyết tật nặng, khuyết tật đặc biệt nặng của các đối tượng: Người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945; Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; thương binh, bệnh binh suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên; con từ trên 6 tuổi của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học không tiếp xúc trực tiếp trong sinh hoạt hoặc suy giảm khả năng tiếp xúc trong sinh hoạt, trừ các đối tượng được cấp mã TS;

- TQ: Thân nhân của đối tượng được cấp mã QN;

- TA: Thân nhân của đối tượng được cấp mã CA;

- TY: Thân nhân của đối tượng được cấp mã CY;

- HG: Người đã hiến bộ phận cơ thể người theo quy định của pháp luật;

- LS: Người n ngoài đang h c t p t i Vi t Nam đ c c p h c b ng t ngân sách c a Nhà n c Vi t Nam;

- PV: Người ph c v ng i có công v i cách m ng, bao g m: người ph c v Bà m Vi t Nam anh hùng s ng ã gia đình; người ph c v th ng binh, b nh binh suy gi m kh ã năng lao đ ng t 81% tr ã lên ã gia đình; người ph c v ng i ho t đ ng kháng chi n b nhi m ch t đ c hóa h c suy gi m kh ã năng lao đ ng t 81% tr ã lên s ng ã gia đình.

d) Nhóm đ c ngân sách Nhà n c h tr m c đ ng

- CN: Người thu c h gia đình c n nghèo;

- HS: H c sinh đang theo h c t i các c s giáo d c và đào t o thu c h th ng giáo d c qu c dân;

- SV: Sinh viên đang theo h c t i các c s giáo d c và đào t o, c s s d y ngh thu c h th ng giáo d c qu c dân;

- GB: Người thu c h gia đình làm nông nghi p, lâm nghi p, ng nghi p và diêm nghi p có m c s ng trung bình theo quy đ nh c a pháp lu t;

đ) Nhóm tham gia BHYT theo h gia đình

- GD: Người tham gia BHYT theo h gia đình g m nh ng người thu c h gia đình, tr đ i t ng quy đ nh t i các đ m a, b, c, d nêu trên.

2. Ký t i p theo (ô th 2): đ c ký hi u b ng s (theo s th t t 1 đ n 5) là m c h ng BHYT. Tr ng h p m t ng i thu c nhi u đ i t ng tham gia BHYT thì m c h ng BHYT ghi

trên th BHYT là mức hưởng của đội ngũ có quy n l i cao nh t.

a) Ký hi u b ng số 1: Đ c qu BHYT thanh toán 100% chi phí khám b nh, ch a b nh (KCB) thu c ph m vi chi tr BHYT và không áp d ng gi i h n t l thanh toán m t s thu c, hóa ch t, v t t y t và d ch v k thu t theo quy đ nh c a B tr ng B Y t v danh m c và t l , đ i u ki n thanh toán d ch v k thu t; chi phí v n chuy n ng i b nh t t t u y n huy n lên t u y n trên trong tr ng h p c p c u ho c khi đ ng đ i u tr n i trú ph i chuy n t u y n chuyên môn k thu t, bao g m các đ i t ng h ng có ký hi u là: CC, TE.

b) Ký hi u b ng số 2: Đ c qu BHYT thanh toán 100% chi phí KCB thu c ph m vi chi tr BHYT (có gi i h n t l thanh toán m t s thu c, hóa ch t, v t t y t và d ch v k thu t theo quy đ nh c a B tr ng B Y t); chi phí v n chuy n ng i b nh t t t u y n huy n lên t u y n trên trong tr ng h p c p c u ho c khi đ ng đ i u tr n i trú ph i chuy n t u y n chuyên môn k thu t, bao g m các đ i t ng h ng có ký hi u là: CK, CB, KC, HN, DT, DK, XD, BT, TS.

c) Ký hi u b ng số 3: Đ c qu BHYT thanh toán 95% chi phí KCB thu c ph m vi chi tr BHYT (có gi i h n t l thanh toán m t s thu c, hóa ch t, v t t y t và d ch v k thu t theo quy đ nh c a B tr ng B Y t); 100% chi phí KCB t i t u y n xã và chi phí cho m t l n KCB th p h n 15% tháng l ng c s , bao g m các đ i t ng h ng có ký hi u là: HT, TC, CN.

d) Ký hi u b ng số 4: Đ c qu BHYT thanh toán 80% chi phí KCB thu c ph m vi chi tr BHYT (có gi i h n t l thanh toán m t s thu c, hóa ch t, v t t y t và d ch v k thu t theo quy đ nh c a B tr ng B Y t); 100% chi phí KCB t i t u y n xã và chi phí cho m t l n KCB th p h n 15% tháng l ng c s , bao g m các đ i t ng h ng có ký hi u là: DN, HX, CH, NN, TK, HC, XK, TB, NO, CT, XB, TN, CS, XN, MS, HD, TQ, TA, TY, HG, LS, PV, HS, SV, GB, GD.

đ) Ký hi u b ng số 5: Đ c qu BHYT thanh toán 100% chi phí KCB, k c chi phí KCB ngoài ph m vi đ c h ng BHYT; chi phí v n chuy n, bao g m các đ i t ng h ng có ký hi u là QN, CA, CY.

3. Hai ký t i p theo (ô th 3): đ c ký hi u b ng số (t 01 đ n 99) là mã t nh, thành ph tr c thu c Trung ng, n i phát hành th BHYT (theo mã t nh, thành ph ban hành kèm theo Quy đ nh số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 c a Th t ng Chính ph v i c ban hành b ng danh m c và mã s các đ n v hành chính Vi t Nam và Công văn số 628/TCTK-PPCĐ ngày

06/8/2009 của Tổng cục Thống kê về việc thông báo mã số danh mục hành chính mới). Riêng mã của Bộ hồ sơ xã hội Bộ Quốc phòng được ký hiệu bằng số 97, của Bộ hồ sơ xã hội Công an nhân dân được ký hiệu bằng số 98.

4. Mã ký tự cuối (ô thứ 4): là số định danh cá nhân của người tham gia BHXH, BHYT quy định tại Quy định định số 1263/QĐ-BHXH ngày 21/11/2014 của Tổng Giám đốc Bộ hồ sơ xã hội Việt Nam ban hành và quy định quản lý, số định danh hồ sơ danh mục dùng chung, chi tiêu báo cáo ngành Bộ hồ sơ xã hội.

Điều 3. Mã số KCB BHYT

Mã số KCB BHYT do người tham gia BHYT đăng ký: gồm 05 ký tự bằng số, được in sau tên số KCB ban đầu do Bộ hồ sơ xã hội Việt Nam cấp:

1. Hai ký tự đầu: được ký hiệu bằng số (từ 01 đến 99) là mã tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi cấp số KCB ban đầu đóng trên (lấy theo mã tỉnh, thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg và Công văn số 628/TCTK-PPCĐ).

2. Ba ký tự cuối: được ký hiệu bằng số (từ 001 đến 999) hoặc bằng chữ hoa và chữ, là số thứ tự cấp số KCB BHYT.

Điều 4. Mã nội dung sinh sống

Mã nội dung sinh sống, gồm 02 ký tự ký hiệu về địa bằng chữ và bằng số, cách như:

1. Ký hiệu K1: là mã nội dung dân tộc thiểu số và người thu nhập gia đình nghèo tham gia BHYT, đăng sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật.

2. Ký hiệu K2: là mã số người dân tộc thiểu số và người thuộc hộ gia đình nghèo tham gia BHYT, đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Ký hiệu K3: là mã số người tham gia BHYT đang sinh sống tại xã đảo, huyện đảo theo quy định của pháp luật.

4. Người có ký hiệu là QN, CA, CY đang công tác hoặc cư trú (thông tin trú hoặc tạm trú) thông tin xuyên tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, hoặc công tác, cư trú tại xã đảo, huyện đảo, đặc biệt ghi mã số người thông tin sinh sống thông tin với ký hiệu K1, K2, K3 quy định tại các Khoản 1, 2 và Khoản 3, Điều này.

Những người BHYT có mã số người thông tin sinh sống (ký hiệu: K1, K2, K3) khi đi KCB không đúng tuyến, được cơ quan BHYT thanh toán chi phí KCB đi và về bệnh viện tuyến huyện, đi ưu tiên trú đi và về bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương (không cần giấy chuyển tuyến KCB).

Điều 5. Quy định chuyển tiếp

Người BHYT cấp trước thời điểm Quy định này có hiệu lực mà còn thời hạn sử dụng sau ngày 31/12/2015 thì tiếp tục được sử dụng để khám bệnh, chữa bệnh. Việc thực hiện chuyển tiếp mã số ghi trên thẻ BHYT theo Quy định này, Bộ chỉ thị xã hội Việt Nam số có văn bản hướng dẫn cấp thẻ.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thay thế Quy định số 1314/QĐ-BHXH ngày 02 tháng 12 năm 2014 của Tổng Giám đốc Bộ chỉ thị xã hội Việt Nam.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Ban S - Thủ có trách nhiệm chỉ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện chế độ, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy định này.

2. Trung tâm Công nghệ Thông tin Bộ hội đồng xã hội Việt Nam xây dựng phần mềm quản lý dữ liệu và in ấn BHYT đúng yêu cầu.

3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ hội đồng xã hội Việt Nam theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Ban S - Thủ chế độ, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Quy định này.

4. Giám đốc Bộ hội đồng xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Bộ hội đồng xã hội Bộ Quốc phòng, Công an nhân dân có trách nhiệm thực hiện và kịp thời báo cáo vướng mắc (nếu có) với Bộ hội đồng xã hội Việt Nam để được xem xét, giải quyết./.

Nội dung:

- Nhà Điều 7;
- Các Bộ: YT, L Đ-TB&XH, TC, NV, QP, C
- HĐQT - BHXHVN;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Lưu: VT, ST (0 8b).

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Minh

□